

Đặc khu kinh tế ở Việt Nam

Thực trạng hình thành và vấn đề đặt ra

Trên thế giới, các đặc khu kinh tế đã được hình thành từ trước thế kỷ XV theo các mô hình khu khác nhau. Trong quá trình phát triển, các mô hình đặc khu ngày càng hoàn thiện, quy mô lớn hơn, số lượng các khu cũng tăng lên nhanh chóng, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề việc làm. Tính đến năm 2016, trên thế giới có khoảng 4.500 đặc khu tại 140 quốc gia, tạo thêm 66 triệu việc làm trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế, đặc biệt với mục tiêu tạo ra các cực phát triển, từ đó lan tỏa ra các vùng lân cận.

1. Thực trạng phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế

Trước khi có các chủ trương hình thành các đơn vị hành chính - kinh tế (HCKT) đặc biệt, tại Việt Nam đã tồn tại 6 mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp bao gồm: (1) Khu chế xuất từ năm 1991 - 1994; (2) Khu công nghiệp từ năm 1994 - 1997; (3) Khu công nghệ cao từ năm 1997 - 2003; (4) Khu kinh tế cửa khẩu từ năm 1997 - 2003; (5) Khu kinh tế mở (từ năm 2003 đến nay); (6) Khu kinh tế



Bảng 1. Một số kết quả đạt được của các khu công nghiệp, khu kinh tế

Chỉ tiêu	Khu công nghiệp, khu chế xuất	Khu kinh tế cửa khẩu	Khu kinh tế ven biển	Khu công nghệ cao	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khu công nghệ thông tin tập trung
Số lượng thành lập (khu)	325	26	16	3	9	7
Số lượng hoạt động (khu)	220	21	16	3	9	7
Diện tích (ha)	95.000	660.000	815.000	3.509	N/A	N/A
Tỷ lệ lấp đầy (%)	51	N/A	N/A	59	N/A	N/A
Dự án đầu tư	N/A	700 dự án trong nước 100 dự án nước ngoài	354 dự án trong nước 1.079 dự án nước ngoài	138 dự án đầu tư	N/A	N/A

Chỉ tiêu	Khu công nghiệp, khu chế xuất	Khu kinh tế cửa khẩu	Khu kinh tế ven biển	Khu công nghệ cao	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khu công nghệ thông tin tập trung
Vốn đầu tư	60 - 70% tổng vốn FDI	50.000 tỷ đồng trong nước 700 triệu USD nước ngoài (0,2% FDI năm 2016)	805.200 tỷ đồng trong nước 42 tỷ USD nước ngoài (14% FDI năm 2016)	57.782,41 tỷ đồng 2,605 tỷ USD (0,9% FDI năm 2016)	N/A	3.000 tỷ đồng
Đóng góp vào kim ngạch xuất - nhập khẩu (%)	30	4,12 (2015)	Xuất khẩu: 2,83 (2016)	N/A	N/A	N/A
Tỷ lệ đóng góp thu NSNN (%)	N/A	0,7 (2015)	2,74 (2016)	0,20 (2013)	N/A	N/A
Giải quyết việc làm (lao động)	2.000.000	N/A	130.000	19.000	N/A	36.000

Nguồn : Tác giả tổng hợp



ven biển từ năm 2003 đến nay. Các mô hình khu này đều có ranh giới địa lý rõ ràng, hoạt động theo các cơ chế chính sách riêng là cơ sở thực tiễn để nghiên cứu, phát triển mô hình đơn vị HCKT đặc biệt tại Việt Nam. Trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, các khu công nghiệp, khu kinh tế đã có đóng góp quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, đóng góp cho ngân sách nhà nước (NSNN) và giải quyết vấn đề việc làm cho lao động địa phương.

Tuy nhiên, quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cũng đặt ra một số vấn đề như: (i) Quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế còn mang tính cục bộ, địa phương, chưa tính tới các yếu tố liên kết vùng, tiềm năng, lợi thế của địa phương; (ii) Nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế còn thiếu quy hoạch tổng thể. Việc xây dựng được dựa trên quy hoạch chi tiết các khu chức năng, dẫn đến thiếu đồng bộ về hạ tầng kinh tế - xã hội; (iii) Quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế chưa tính đến vấn đề môi trường - xã hội, thực trạng này tồn tại chủ yếu trong phát triển các khu công nghiệp, khi các khu này tập trung thu hút các nhà đầu tư thứ cấp để tối đa hóa lợi nhuận, chưa quan tâm đến việc giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường sống xung quanh hoặc sử dụng tài nguyên hiệu quả; (iv) Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt trong việc thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ” để tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư; (v) Công tác huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng còn gặp khó khăn, đặc biệt tại các khu kinh tế cửa khẩu và các khu kinh tế ven biển.

2. Thực trạng hình thành các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

Trên cơ sở các vấn đề đặt ra đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế hiện tại, nhận thức vai trò quan trọng của các đặc khu kinh tế trong việc phát triển kinh tế các vùng lân cận, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương hình thành các đơn vị HCKT đặc biệt tại Vân Đồn (Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (Khánh Hòa) và Phú Quốc (Kiên Giang). Thực trạng xây dựng và hình thành đặc khu kinh tế tại các địa phương này thể hiện qua 3 khía cạnh sau:

2.1. Cơ chế tổ chức, bộ máy

Tổ chức chính quyền địa phương ở các đặc khu được dự kiến theo mô hình bao gồm hội đồng nhân dân (HĐND), ủy ban nhân dân (UBND) đặc khu, trưởng khu hành chính và các bộ phận giúp việc, được tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đặc khu (theo Dự thảo Luật đơn vị HCKT đặc biệt, tháng 5/2018). Trong đó, HĐND đặc khu gồm các đại biểu HĐND do cử tri ở đặc khu bầu ra, tổng số đại biểu không quá 15 người; UBND đặc khu gồm chủ tịch và 2 phó chủ tịch; bộ máy giúp việc cho HĐND và UBND bao gồm có văn phòng, các cơ quan chuyên môn (không quá 7 cơ quan) và trung tâm hành chính công đặc khu; trưởng khu hành chính là người đứng đầu khu hành chính, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, quản lý dân cư và các hoạt động quản lý nhà nước khác theo phân cấp, ủy quyền của chủ tịch UBND đặc khu.



2.2. Cơ chế phân cấp ngân sách

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, các chính sách về ngân sách dự kiến được áp dụng khi thành lập đơn vị HCKT đặc biệt được bổ sung một số chính sách: Bổ sung từ nguồn ngân sách cấp tỉnh; được để lại toàn bộ số tăng thu trong 10 năm đầu kể từ khi thành lập; được bội chi ngân sách và có cơ chế vay nợ nhưng không vượt quá 70% tổng thu ngân sách địa phương (NSDP).

2.3. Cơ chế ưu đãi tài chính

Hiện tại, các khu kinh tế Phú Quốc, Vân Đồn, Bắc Vân Phong đang áp dụng các chính sách ưu đãi tài chính như ưu đãi thuế, đất đai, tín dụng... theo Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và các luật, nghị định, thông tư quy định về thuế, đất đai tín dụng cho các khu kinh tế. Theo đó, các khu này được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư tương đương với mức ưu đãi cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoặc khó khăn, với các mức ưu đãi cao nhất trong các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp. Các đơn vị HCKT đặc biệt được thành lập nhằm thu hút nhà đầu tư, thu hút người lao động, khách tham quan, du lịch, nên các chính sách tài chính dự kiến áp dụng tại các đơn vị này có nhiều ưu đãi hơn.

3. Một số vấn đề đặt ra khi hình thành các đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt

Việc hình thành các đơn vị HCKT đặc biệt tại Phú Quốc, Vân Đồn và Bắc Vân Phong tận dụng được các ưu thế của các địa phương như vị trí chiến lược, dễ dàng kết nối với các thị trường có tiềm năng tăng trưởng, hạ tầng tương đối hoàn thiện -

Bảng 2. Chính sách về ngân sách đối với các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

Chính sách áp dụng	Chính sách hiện đang áp dụng	Chính sách dự kiến áp dụng tại Dự thảo	Kiến nghị của Phú Quốc	Kiến nghị của Vân Đồn	Kiến nghị của Bắc Vân Phong
Sử dụng NSDP, ngân sách trung ương (NSTW) bổ sung có mục tiêu cho đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội	Có	Cơ chế bổ sung của ngân sách cấp tỉnh đối với ngân sách đơn vị HCKT đặc biệt (tùy khả năng cân đối)	N/A	NSTW bổ sung có mục tiêu hàng năm tương ứng 25% số thu nội địa của tỉnh Quảng Ninh trong 5 năm và ngân sách tỉnh bổ sung 1.500 tỷ/năm trong 5 năm	Có
Sử dụng số tăng thu	Có cơ chế bố trí nguồn tăng thu ngân sách hàng năm	Để lại toàn bộ số tăng thu tại khu HCKT đặc biệt trong thời gian không quá 10 năm	Không	Không	Không
Sử dụng tạm ứng vốn kế hoạch từ NSTW, TPCP	Có cơ chế sử dụng tạm ứng vốn NSTW, vốn TPCP	N/A	Không	Không	Không
Bộ chi	Không	Có	Có	Có	Có



Chính sách áp dụng	Chính sách hiện đang áp dụng	Chính sách dự kiến áp dụng tại Dự thảo	Kiến nghị của Phú Quốc	Kiến nghị của Vân Đồn	Kiến nghị của Bắc Vân Phong
Bộ chi	Không	Có	Có	Có	Có
Cơ chế vay nợ	Không	Không vượt quá 70% số thu ngân sách của đơn vị HCKT đặc biệt	Không đề xuất mức vay cụ thể	Không vượt quá 70% số thu ngân sách của đơn vị HCKT đặc biệt	Không vượt quá 70% số thu ngân sách của đơn vị HCKT đặc biệt
Đề lại số thu nội địa	Không	Không	Đề lại 50% số thu nội địa trong thời gian 10 năm	Đề lại 100% số thu nội địa đến năm 2030, sau 2030 sẽ xem xét phân chia giữa các cấp ngân sách	Đề lại 50% các khoản phân chia trong thời gian 5 năm kể từ ngày thành lập
Đề lại số thu thuế XNK	Không	Không	Không	Không	Đề lại 100% số thu thuế xuất - nhập khẩu đến năm 2030, sau năm 2030 xem xét phân chia giữa các cấp ngân sách
Định mức chi thường xuyên	Theo Luật NSNN	Theo Luật NSNN	Không	Bảng 2 lần định mức phân bổ chung	Không

Nguồn: Tác giả tổng hợp

với sân bay, tàu vận tải, tàu cao tốc; có tiềm năng phát triển du lịch với lợi thế về tài nguyên đa dạng sinh học và tài nguyên biển; vị trí tương đối tách biệt thuận lợi cho việc áp dụng thử nghiệm các chính sách, mô hình mới; tình hình kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều hướng tích cực, được quy hoạch tổng thể; có khả năng đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực. Tuy nhiên có một số vấn đề đặt ra xuất phát từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan:

(1) Khó khăn đối với hầu hết các khu kinh tế hiện nay là thu hút vốn để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, quản lý điều hành, sản xuất - kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu theo định hướng đã lựa chọn. Hiện nay Vân Đồn mới lựa chọn được một nhà đầu tư chiến lược là SunGroup, trong khi khu Bắc Vân Phong từ năm 2012 đến nay dừng thu hút đầu tư nên cũng chưa có nhà đầu tư chiến lược nào.

(2) Tuy kết cấu hạ tầng đang ngày càng được hoàn thiện nhưng vẫn đang trong giai đoạn phát triển, do đó chưa đồng bộ. Tại các khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong, hệ thống kết cấu hạ tầng còn chưa thuận lợi. Đặc biệt, hiện trạng khu vực Bắc Vân Phong còn hoang sơ và hệ thống kết cấu hạ tầng rất hạn chế, do đó cần nhiều vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để đáp ứng yêu cầu triển khai dự án của các nhà đầu tư.

(3) Việc chuyển đổi thể chế kinh tế và hành chính sẽ ít nhiều gây khó khăn cho quá trình tổ chức, vận hành, bố trí nhân sự. Trong mô hình dự kiến, tổ chức chính quyền được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đây là một mô hình mới, đòi hỏi phải vừa tiến hành, vừa bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đồng thời có lộ trình bố trí, tuyển dụng nhân sự, chuyển đổi việc làm hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đơn vị HCKT đặc biệt.



Bảng 3. Các chính sách ưu đãi tài chính tại các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

Ưu đãi tài chính	Chính sách dự kiến	Chính sách hiện hành
Thuế thu nhập cá nhân	<ul style="list-style-type: none">• Cá nhân làm việc tại đơn vị HCKT: Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo• Nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ cao: Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 5 năm nhưng không quá năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo	Giảm 50% thuế TNCN đối với cả người Việt Nam và nước ngoài có thu nhập thuộc diện chịu thuế
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	Tăng thời gian miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa là nguyên liệu vật liệu, linh kiện, vật tư để sản xuất - kinh doanh của dự án từ 5 năm lên 7 năm; bổ sung các điều khoản liên quan đến bán hàng miễn thuế, miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh, hàng hóa được mua bán giữa khu phi thuế quan với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none">• Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư trong khu kinh tế, Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên, vật liệu trong nước chưa sản xuất được trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất• Khách du lịch được mua hàng hóa miễn thuế, tổng trị giá hải quan không quá 10 triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	Hàng hóa miễn thuế nhập khẩu ở trên thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng	Các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng: <ul style="list-style-type: none">• Máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;

Ưu đãi tài chính	Chính sách dự kiến	Chính sách hiện hành
		<ul style="list-style-type: none"> Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dân khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuế của nước ngoài sử dụng cho sản xuất - kinh doanh và cho thuê.
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Đối với các dự án đầu tư mới: Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi có doanh thu, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo Miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc danh mục khuyến khích chuyển giao Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm Miễn thuế trong 4 năm Giảm 50% trong 9 năm tiếp theo



Ưu đãi tài chính	Chính sách dự kiến	Chính sách hiện hành
	<ul style="list-style-type: none">• Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 30 năm kể từ khi có doanh thu, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư thuộc ngành, nghề công nghệ cao, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng biển, dự án đầu tư nghiên cứu, phát triển và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học...• Áp dụng thuế suất 10% trong 20 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập dự án đầu tư mới thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển	
	<ul style="list-style-type: none">• Áp dụng thuế suất 17% trong thời gian 5 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế nhưng không quá năm 2030 đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	<ul style="list-style-type: none">• Hàng hóa miễn thuế nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt• Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với hàng hóa nhập khẩu chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa, sử dụng đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi tái xuất khẩu vào khu phi thuế quan	<ul style="list-style-type: none">• Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: 35%• Kinh doanh đặt cược: 30%

Ưu đãi tài chính	Chính sách dự kiến	Chính sách hiện hành
	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, dịch vụ kinh doanh đặt cược: 15% trong thời hạn 10 năm kể từ khi có doanh thu từ dịch vụ 	
<p>Chính sách sử dụng đất, mặt nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thời hạn sử dụng đất để sản xuất - kinh doanh tại đơn vị HCKT đặc biệt tối đa từ 70 - 99 năm Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản, tối đa 36 tháng Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong toàn thời gian sử dụng đất đối với các dự án khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và các dự án đang được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định hiện hành Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 30 năm đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược và dự án thuộc danh mục cần thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; tối đa 20 năm đối với các dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu tiên phát triển; tối đa 15 năm đối với các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Phú Quốc, Bắc Vân Phong 	<p>Thời gian xây dựng cơ bản: Miễn tiền thuê đất 3 năm Sau thời gian xây dựng cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư: Miễn tiền thuê đất cả đời dự án Lĩnh vực ưu đãi đầu tư, trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 19 năm Lĩnh vực ưu đãi đầu tư, trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn: 17 năm Đối với các dự án không thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, nhưng đầu tư vào khu kinh tế nằm trên địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư đầu tư vào lĩnh vực ưu đãi đầu tư nhưng không nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư: 15 năm Đối với dự án không thuộc danh mục ưu đãi đầu tư, nhưng không nằm trên địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn: 13 năm

(4) Chính sách ưu đãi vượt trội cũng có thể gây ra sự chênh lệch trong phát triển giữa các địa phương. Việc áp dụng các ưu đãi thuế có thể dẫn đến các tình trạng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại gây thất thu ngân sách.

(5) Khu HCKT đặc biệt là đơn vị thuộc tỉnh, theo Luật NSNN 2015, tỷ lệ phân chia các khoản thu vẫn do tỉnh quyết định. Tại Phú Quốc, các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng của các doanh nghiệp lớn do Cục thuế tỉnh thu, các khoản còn lại trong 3 khoản thu phân chia được phân cấp theo tỷ lệ huyện giữ lại 52 - 60%, còn lại điều tiết về ngân sách tỉnh. Tỷ lệ 52 - 60% là tương đối thấp, gây khó khăn cho địa phương trong việc sử dụng vốn cho các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng, thu hút nhà đầu tư.

Trong giai đoạn đầu thành lập đơn vị HCKT đặc biệt, cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, tổ chức bộ máy chưa ổn định, nên việc thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn. Do đó, để có số tăng thu so với dự toán hoặc số tăng thu phát sinh không nhiều, vì vậy khoản ưu đãi cho phép để lại số tăng thu trong 10 năm đầu thành lập (theo dự thảo Luật) cũng có thể chưa đáp ứng được như cầu phát triển.

(6) Các chính sách ưu đãi tài chính được xây dựng theo hướng tăng mức ưu đãi, kéo dài thời hạn hưởng ưu đãi. Việc tăng thời hạn miễn tiền thuê đất sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư, song cũng gây khó khăn cho việc huy động vốn ngân sách cho phát triển cơ sở hạ tầng. Trước khi Luật Đất đai 2013 ra đời, các tổ chức sản xuất - kinh doanh được Nhà nước giao đất thu tiền sử dụng đất, sau đó dùng tiền sử dụng đất để đầu tư cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên theo Luật Đất đai 2013, các tổ chức sản xuất - kinh doanh phải

thuê đất trả tiền hàng năm, do đó khó có thể huy động vốn phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ.

(7) Quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế thời gian qua còn mang tính cục bộ, địa phương, chưa tính tới các yếu tố liên kết vùng, tiềm năng, lợi thế của địa phương do tư duy quy hoạch còn chú trọng đến lợi ích địa phương; chưa phù hợp với tổng thể phát triển vùng. Do đó, khi phát triển các đơn vị HCKT đặc biệt cần chú trọng vấn đề quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết.

Ngoài ra, các khu HCKT đặc biệt thường được phát triển ở ven biển, có tiềm năng lợi thế về du lịch, do đó cần quan tâm đặc biệt vấn đề biến đổi khí hậu và môi trường. Sự gia tăng dân số, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và khách du lịch cùng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, gia tăng đột biến các nguồn chất thải là những thách thức lớn đối với công tác bảo vệ môi trường của các khu này. Thực tế gần 20 năm phát triển các mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế cũng cho thấy, tình trạng thu hút đầu tư để tối đa hóa lợi nhuận mà chưa chú trọng đến các vấn đề môi trường đã diễn ra khá phổ biến. Bên cạnh đó, việc ứng phó với thách thức về biến đổi khí hậu là một vấn đề mà chính quyền các đơn vị HCKT đặc biệt phải quan tâm, xem xét.

TS. Lê Thị Thùy Vân
CN. Phạm Thanh Thủy

Tài liệu tham khảo

- 1 Dự thảo Luật đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt, tháng 5/2018.
- 2 Đề án thành lập các khu hành chính - kinh tế đặc biệt Phú Quốc, Vân Đồn, Bắc Vân Phong.
- 3 FIAS (2008), *Special Economic Zones: Performance, Lessons Learned, and Implications for Zone Development*, Washington, DC: World Bank.
- 4 General Authority for Investment (2011), *Special Economic Zone*.
- 5 Lê Thị Thùy Vân (2017), Chương trình nghiên cứu khảo sát Cơ chế quản lý đối với các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại Việt Nam.
- 6 Nguyễn Ngọc Dung (2016), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình đặc khu kinh tế*.